COMPANY LIMITED
VAE
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494
Website: www.vae.com.vn

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 6294 1117/6252 1818 Fax: 08. 6294 1119

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

HÀ NỘI, THÁNG 02 - 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244
Địa chỉ: Số 164 Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84-04) 3 565 1528 Fax: (84-04) 3 852 2622

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần ACC-244 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đức Sinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó chủ tịch
Ông Phan Duy Lĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Sinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Công Nguyên	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuân	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

S.Đ.K.K.D: 0104598666 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đức Sinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2016

Số: 52-16/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần ACC-244

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần ACC-244 (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 28/2/2016, từ trang 06 đến trang 28*, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ACC-244 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 - hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần ACC-244 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt. Ý kiến kiểm toán trên báo cáo này là ý kiến chấp nhận toàn phần.

Phạm Ngọc Toản
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**404.322.715.253**	**216.296.284.274**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**115.044.109.286**	**21.902.547.421**
1. Tiền	111		115.044.109.286	21.902.547.421
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**188.671.373.378**	**117.479.704.251**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	123.963.669.828	105.817.863.504
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	64.707.703.550	11.661.840.747
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.4**	**100.483.392.589**	**76.777.961.799**
1. Hàng tồn kho	141		100.483.392.589	76.777.961.799
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**123.840.000**	**136.070.803**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	123.840.000	126.224.863
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.8	-	9.845.940
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**3.571.055.556**	**4.080.681.501**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**3.458.947.545**	**4.024.532.819**
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6	3.458.947.545	4.024.532.819
- Nguyên giá	*222*		*13.079.176.301*	*14.468.300.768*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(9.620.228.756)*	*(10.443.767.949)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**112.108.011**	**56.148.682**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	112.108.011	56.148.682
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**407.893.770.809**	**220.376.965.775**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**369.490.458.876**	**184.391.817.108**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**369.490.458.876**	**184.391.817.108**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.7	298.060.015.517	80.453.250.006
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.8	897.517.957	908.533.646
4. Phải trả người lao động	314		-	667.720.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	69.531.504.881	98.483.646.129
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	-	3.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.001.420.521	878.667.327
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**38.403.311.933**	**35.985.148.667**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.11**	**38.403.311.933**	**35.985.148.667**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.408.620.000	29.408.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.408.620.000	29.408.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.301.219.906	1.301.219.906
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.948.725.835	2.668.202.785
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.744.746.192	2.607.105.976
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*2.607.105.976*	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*1.137.640.216*	*2.607.105.976*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**407.893.770.809**	**220.376.965.775**

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Bích Hạnh	Nguyễn Thị Vinh	Nguyễn Đức Sinh

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**406.119.515.637**	**380.010.174.726**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	473.606.360	14.493.837.884
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	**10**		**405.645.909.277**	**365.516.336.842**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	384.670.818.718	345.717.425.768
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**20.975.090.559**	**19.798.911.074**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	105.456.115	44.852.798
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10.333.406.750	9.201.768.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**10.747.139.924**	**10.641.995.281**
11. Thu nhập khác	31	VI.5	216.050.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	13.103.041	109.629.078
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**202.946.959**	**(109.629.078)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**10.950.086.883**	**10.532.366.203**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.413.266.551	2.360.488.565
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**8.536.820.332**	**8.171.877.638**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.10**	**2.322**	**2.779**

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Bích Hạnh	Nguyễn Thị Vinh	Nguyễn Đức Sinh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2015	Năm 2014
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		672.530.051.229	380.178.622.866
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(528.713.678.509)	(358.992.255.720)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.236.412.405)	(3.540.359.746)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(341.544.447)	(448.754.168)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.498.515.081)	(2.404.240.513)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.681.197.526	6.634.524.725
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(60.202.318.472)	(17.372.352.201)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***101.218.779.841***	***4.055.185.243***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(987.431.091)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		216.050.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		105.456.115	44.852.798
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(665.924.976)***	***44.852.798***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
3.	Tiền thu từ đi vay	33		6.000.000.000	10.500.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.000.000.000)	(11.000.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.411.293.000)	(4.411.293.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		***(7.411.293.000)***	***(4.911.293.000)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**93.141.561.865**	**(811.254.959)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**21.902.547.421**	**22.713.802.380**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**V.1**	**115.044.109.286**	**21.902.547.421**

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Bích Hạnh	Nguyễn Thị Vinh	Nguyễn Đức Sinh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần ACC - 244 (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp xây dựng 244 trực thuộc Cục hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty cổ phần ACC-244 trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình hàng không ACC (nay là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC) theo Quyết định Cổ phần hóa số 3643/QDD-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104598666 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần thứ nhất ngày 04 tháng 03 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là: **29.408.620.000 VND** (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác đá; Khai thác cát, sỏi; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước; Xử lý nước thải; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Trụ sở chính đặt tại: Số 164 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35 651 528

Fax: (84-4) 38 522 622

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng hoặc trên 12 tháng, cụ thể:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

- Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trên 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua – bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty không có khoản phải thu quá hạn thanh toán cần phải trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 06

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước về thuê dịch vụ, khoản chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng một lần được phân bổ trong vòng ba năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản đi vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố định có liên quan.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bao gồm doanh thu từ hoạt động xây dựng, cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng; doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu từ hoạt động xây lắp của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính khác.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tại quỹ	***217.252.154***	***63.386.080***
VND	217.252.154	63.386.080
Tiền gửi ngân hàng	***114.826.857.132***	***21.839.161.341***
VND	114.826.857.132	21.839.161.341
Ngân hàng TMCP Quân đội	114.826.857.132	*21.839.161.341*
Cộng	**115.044.109.286**	**21.902.547.421**

2. Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
		VND		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn	**123.963.669.828**	-	**105.817.863.504**	-
Cục hải quan tỉnh Lào cai	19.532.234.450	-	11.878.803.825	-
Trại giam số 5-Tổng cục VIII-Bộ công an	12.435.972.714	-	8.799.935.410	-
Đoàn an điều dưỡng 298/TC.CNQP	10.319.822.491	-	10.042.129.701	-
Bộ chỉ huy BP Nam Định	9.918.775.687	-		
UBND huyện Sapa - Lào cai	6.112.911.200	-	6.134.926.999	-
BTL Quân chủng PKKQ	5.423.466.033	-	5.916.374.615	-
Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác 11 (Z111)/TC.CNQP	5.023.939.506	-	-	-
Công ty TNHH MTV 95 (Z195)/TC.CNQP	4.956.090.060	-	-	-
Ban QLDAXD và đô thị Lào Cai	-	-	3.007.463.000	-
Nhà máy Z111	-	-	3.957.631.921	-
Nhà máy Z176	-	-	3.501.382.730	-
Văn phòng tỉnh uỷ tỉnh Lào Cai	-	-	4.469.980.000	-
Công ty TNHH MTV 76 (Z176)/TC.CNQP	3.501.382.730	-	-	-
Đài PT-TH Lào Cai	3.454.505.901	-	2.619.321.659	-
Trung tâm kiểm định XD Lào Cai	3.360.027.639	-	-	-
Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh	2.077.381.009	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	21.817.585.260	-	34.193.765.463	-
Cộng	**123.963.669.828**	-	**105.817.863.504**	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**64.707.703.550**	-	**11.661.840.747**	-
- Tạm ứng	64.580.073.004	-	11.510.237.991	-
Cao Huy Hoàng	9.336.738.462	-	2.614.237.578	-
Phan Duy Chuyên	47.488.838	-	2.793.006.806	-
Hà Thanh Tú	597.704.810	-	936.153.010	-
Hà Thị Thanh Huyền	15.799.891.710	-	-	-
Mai Trọng Khoát	10.973.544.317	-	123.178.967	-
Nguyễn Mạnh Hà	4.192.331.943	-	-	-
Nguyễn Tiến Trung	16.745.375.775	-	3.471.005.817	-
Nguyễn Toàn Việt	5.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Văn Công	171.697.653	-	-	-
Phạm Thành Đông	-	-	1.147.242.977	-
Phan Duy Chung	253.615.495	-	253.615.495	-
Trần Đình Hải	1.461.684.001	-	124.751.782	-
Đối tượng khác	-	-	47.045.559	-
- Thuế TNCN	11.910.546	-	18.023.874	-
- Bảo hiểm y tế	61.920.000	-	57.798.000	-
- Phải thu khác	53.800.000	-	75.780.882	-
Cộng	**64.707.703.550**	-	**11.661.840.747**	-

4. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	9.500.000		9.500.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	100.473.892.589		76.768.461.799	-
Cộng	**100.483.392.589**	-	**76.777.961.799**	-

5. Chi phí trả trước

		31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a)	**Ngắn hạn**	**123.840.000**	**126.224.863**
	Chi phí trả trước ngắn hạn	123.840.000	126.224.863
b)	**Dài hạn**	**112.108.011**	**56.148.682**
	Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	112.108.011	56.148.682
	Cộng	**235.948.011**	**182.373.545**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư ngày 01/01/2015	3.542.410.512	6.996.948.636	1.581.600.571	77.149.091	2.270.191.958	**14.468.300.768**
- Mua trong năm	-	-	-	-	930.909.091	**930.909.091**
- Đầu tư XDCB hoàn thành	56.522.000	-	-	-	-	**56.522.000**
- Thanh lý, nhượng bán	-	(106.363.600)	-	-	(2.270.191.958)	**(2.376.555.558)**
Số dư ngày 31/12/2015	3.598.932.512	6.890.585.036	1.581.600.571	77.149.091	930.909.091	**13.079.176.301**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư ngày 01/01/2015	2.399.062.322	5.225.733.526	774.419.828	74.577.444	1.969.974.829	**10.443.767.949**
- Khấu hao trong năm	220.561.944	721.056.479	231.033.408	2.571.647	377.792.887	**1.553.016.365**
- Thanh lý, nhượng bán	-	(106.363.600)	-	-	(2.270.191.958)	**(2.376.555.558)**
Số dư ngày 31/12/2015	2.619.624.266	5.840.426.405	1.005.453.236	77.149.091	77.575.758	**9.620.228.756**
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2015	**1.143.348.190**	**1.771.215.110**	**807.180.743**	**2.571.647**	**300.217.129**	**4.024.532.819**
- Tại ngày 31/12/2015	**979.308.246**	**1.050.158.631**	**576.147.335**	**-**	**853.333.333**	**3.458.947.545**

- Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.675.725.538 VND.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Người mua trả tiền trước

		31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a)	**Người mua trả tiền trước ngắn hạn**	**298.060.015.517**	**80.453.250.006**
	Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không không quân	110.294.991.271	31.769.162.983
	Học viện tư pháp	59.000.000.000	-
	Bộ tham mưu Quân chủng Phòng không không quân	26.779.540.230	-
	Công ty TNHH MTV điện cơ hóa chất 15 (Z115)/TC.CNQP	21.332.000.000	-
	Nhà máy A31	10.866.260.000	-
	Sư đoàn 370	10.513.920.000	-
	BTL Vùng 4 Hải quân	9.300.785.000	-
	Sư đoàn 365	9.146.920.000	-
	Nhà máy A41	7.964.583.000	-
	Công ty TNHH BOT và BT Quốc lộ 20	7.655.527.683	-
	Sư đoàn 367	3.974.087.140	9.962.413.140
	Nhà máy A40	3.920.000.000	-
	Công ty TNHH MTV cao su 75 (Z175)/TC.CNQP	3.850.000.000	-
	Tổng cục II - BQP	2.794.403.925	10.040.401.054
	Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	10.666.997.268	28.681.272.829
	Cộng	**298.060.015.517**	**80.453.250.006**

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Khoản mục	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
a)	**Phải nộp**	**908.533.646**	**9.002.593.385**	**9.013.609.074**	**897.517.957**
	Thuế GTGT	345.254.610	6.488.751.686	6.426.429.391	407.576.905
	Thuế TNDN	563.279.036	2.413.266.551	2.498.515.081	478.030.506
	Thuế thu nhập cá nhân	-	97.575.148	85.664.602	11.910.546
	Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	Cộng	**908.533.646**	**9.002.593.385**	**9.013.609.074**	**897.517.957**
b)	**Phải thu**	**9.845.940**	**9.845.940**	-	-
	Thuế thu nhập cá nhân	9.845.940	9.845.940	-	-
	Cộng	**9.845.940**	**9.845.940**	-	-

9. Phải trả khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	**69.531.504.881**	**98.483.646.129**
Cao Huy Hoàng	5.944.720.815	33.770.858.754
Đoàn Văn Thướng	544.651.776	3.585.620.932
Mai Trọng Khoát	108.588.919	708.664.933

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyễn Anh Tuân	2.503.416.566	2.512.766.281
Nguyễn Công Nguyên	1.164.703.408	1.296.685.408
Nguyễn Mai Đô	214.718.912	214.718.912
Nguyễn Mạnh Hà	19.462.838.106	20.513.498.681
Nguyễn Tiến Trung	603.764.046	99.198.655
Nguyễn Toàn Việt	6.188.020.708	6.629.598.491
Nguyễn Văn Công	-	360.948.230
Phạm Thành Đông	1.844.913.635	4.994.839.864
Phạm Văn Dực	9.681.070.928	9.904.474.258
Phan Duy Chuyên	2.096.118.484	23.520.000
Trần Đình Hải	8.123.258.923	2.067.865.516
Trần Trung Hiếu	396.052.533	396.052.533
Các đối tượng khác	805.459.680	2.772.155.224
Kinh phí công đoàn	70.508.167	42.719.170
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.425.000.000	1.425.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.353.699.275	7.164.460.287
Tổng công ty XDCT hàng không ACC	*7.582.766.610*	*6.361.502.479*
Chi phí thuê đất	*765.417.312*	*765.417.312*
Phải trả khác	*5.515.353*	*37.540.496*
Cộng	**69.531.504.881**	**98.483.646.129**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015		Số phát sinh trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND		VND	VND
Vay ngắn hạn	**-**	**-**	**6.000.000.000**	**9.000.000.000**	**3.000.000.000**	**3.000.000.000**
Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	-	-	6.000.000.000	9.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng cộng	**-**	**-**	**6.000.000.000**	**9.000.000.000**	**3.000.000.000**	**3.000.000.000**

(*) Hợp đồng tín dụng số 78.13.068.5157.TD ngày 07/05/2013 và các phụ lục kèm theo, thời hạn từ 18/3/2015 đến 18/9/2015 (6 tháng) với lãi suất ưu đãi cố định 8,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Vốn chủ sở hữu

11.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2014	**29.408.620.000**	**1.301.219.906**	**2.394.633.641**	**33.104.473.547**
Lãi trong năm	-	-	8.171.877.638	**8.171.877.638**
Chia cổ tức	-	-	(4.411.293.000)	**(4.411.293.000)**
Phân phối các quỹ	-	-	(2.451.563.292)	**(2.451.563.292)**
Giảm khác	-	-	(1.096.549.011)	**(1.096.549.011)**
Số dư ngày 01/01/2015	**29.408.620.000**	**1.301.219.906**	**2.607.105.976**	**33.316.945.882**
Lãi trong năm			8.536.820.332	**8.536.820.332**
Chia cổ tức	-	-	(4.411.293.000)	**(4.411.293.000)**
Phân phối các quỹ	-	-	(2.987.887.116)	**(2.987.887.116)**
Số dư ngày 31/12/2015	**29.408.620.000**	**1.301.219.906**	**3.744.746.192**	**34.454.586.098**

11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vốn góp của Nhà nước	19.908.620.000	19.908.620.000
Vốn góp của đối tượng khác	9.500.000.000	9.500.000.000
Cộng	**29.408.620.000**	**29.408.620.000**

11.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	29.408.620.000	29.408.620.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.408.620.000	29.408.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**4.411.293.000**	**4.411.293.000**

11.4 Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	2.940.862	2.940.862
Cổ phiếu phổ thông	*2.940.862*	*2.940.862*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.940.862	2.940.862
Cổ phiếu phổ thông	*2.940.862*	*2.940.862*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	2.668.202.785	1.280.523.050	-	3.948.725.835
Cộng	**2.668.202.785**	**1.280.523.050**	**-**	**3.948.725.835**

***) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 15% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Doanh thu	**406.119.515.637**	**380.010.174.726**
Doanh thu hợp đồng xây dựng	404.390.515.637	378.150.538.364
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng	1.729.000.000	1.859.636.362
Cộng	**406.119.515.637**	**380.010.174.726**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giảm giá hàng bán (giảm giá trị quyết toán công trình)	473.606.360	14.493.837.884
Cộng	**473.606.360**	**14.493.837.884**

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	384.670.818.718	345.717.425.768
Cộng	**384.670.818.718**	**345.717.425.768**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	105.456.115	44.852.798
Cộng	**105.456.115**	**44.852.798**

5. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý tài sản	216.050.000	-
Cộng	**216.050.000**	**-**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Nộp phạt theo QĐ của thanh tra thuế	1.633.041	109.629.078
Các khoản khác	11.470.000	-
Cộng	**13.103.041**	**109.629.078**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	**10.333.406.750**	**9.201.768.591**
Chi phí nhân viên quản lý	4.585.140.435	4.667.219.071
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	217.602.058	337.367.380
Chi phí đồ dùng văn phòng	194.079.444	184.599.839
Khấu hao tài sản cố định	604.077.468	905.521.929
Thuế, phí, lệ phí	805.417.312	780.417.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	440.802.314	371.688.674
Chi phí bằng tiền khác	3.486.287.719	1.954.954.386
Cộng	**10.333.406.750**	**9.201.768.591**

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.158.497.531	243.203.048.499
Chi phí nhân công	107.868.538.181	74.668.397.474
Chi phí máy thi công	31.785.733.229	16.966.617.806
Chi phí sản xuất chung	12.234.092.341	10.879.361.989
Cộng	**409.046.861.282**	**345.717.425.768**

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	405.967.415.392	365.561.189.640
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	395.049.717.787	354.919.194.359
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.917.697.605	10.641.995.281
Lợi nhuận và cổ tức được chia	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.401.893.473	2.360.488.565
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	11.373.078	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.413.266.551	2.360.488.565

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.536.820.332	8.171.877.638
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.536.820.332	8.171.877.638
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.707.364.066	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.940.862	2.940.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.322	2.779

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2015 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm:	**6.000.000.000**
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	6.000.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	**9.000.000.000**
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	9.000.000.000

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Tổng Công ty XDCT hàng không ACC	Công ty mẹ

b) Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty XDCT hàng không ACC	7.582.766.610	6.361.502.479

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban điều hành	1.239.507.134	1.493.111.936
Cộng	**1.239.507.134**	**1.493.111.936**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	-	3.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	115.044.109.286	21.902.547.421
Nợ thuần	(115.044.109.286)	(18.902.547.421)
Vốn chủ sở hữu	38.403.311.933	35.985.148.667
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(3,00)	(0,53)
Cộng	(115.044.109.289)	(18.902.547.422)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.044.109.286	21.902.547.421
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.671.373.378	117.479.704.251
Cộng	**303.715.482.664**	**139.382.251.672**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	3.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.531.504.881	98.483.646.129
Cộng	**69.531.504.881**	**101.483.646.129**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
31/12/2015	**VND**	**VND**	**VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	69.531.504.881	-	**69.531.504.881**
	Dưới 1 năm	**Từ 1- 5 năm**	**Cộng**
01/01/2015	**VND**	**VND**	**VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	98.483.646.129	-	**98.483.646.129**
Các khoản vay	3.000.000.000	-	**3.000.000.000**

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
31/12/2015	**VND**	**VND**	**VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.044.109.286	-	**115.044.109.286**
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.671.373.378	-	**188.671.373.378**
	Dưới 1 năm	**Từ 1- 5 năm**	**Cộng**
01/01/2015	**VND**	**VND**	**VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.902.547.421	-	**21.902.547.421**
Phải thu khách hàng và phải thu khác	117.479.704.251	-	**117.479.704.251**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 của Công ty Cổ phần ACC-244 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt. Và

Như trình bày tại Thuyết minh số 01, Mục III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại, trình bày lại. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND		Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Phải thu ngắn hạn khác	151.602.756		11.510.237.991	11.661.840.747
Tài sản ngắn hạn khác	11.510.237.991	-	11.510.237.991	-
Quỹ đầu tư phát triển	1.235.330.305		1.432.872.480	2.668.202.785
Quỹ dự phòng tài chính	1.432.872.480	-	1.432.872.480	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC-244

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Bích Hạnh	Nguyễn Thị Vinh	Nguyễn Đức Sinh